

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2019
V/v: “*Tranh chấp về Hôn nhân và
Gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sâm

2. Bà Đặng Thị Liễu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lại Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:*
Bà Diệp Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019 về: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã X, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi ở hiện nay: Thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Không Quốc V, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 03 năm 2019 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Không Quốc V kết hôn ngày 02/10/2008, trước khi cưới chị và anh V được tự do tìm hiểu và được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X. Sau khi cưới, vợ chồng chị chủ yếu sinh sống tại thành phố Vĩnh Yên, thỉnh thoảng về nhà anh V tại xã X. Đến năm 2015, vợ chồng chị

chuyển về ở riêng trên đất của bố mẹ đẻ anh V cho mượn tại thôn T, xã X. Quá trình vợ chồng chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh V ghen tuông vô cớ, thường xuyên đánh đập chị. Năm 2018, chị có làm đơn xin ly hôn anh V gửi đến Tòa án Lập Thạch nhưng sau đó vì thương con nên chị đã rút đơn ly hôn về chung sống với anh V. Nhưng vợ chồng tôi vẫn không thể hàn gắn, anh V không thay đổi tính cách nên chị không thể tiếp tục chung sống. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ ngày 20 tháng 3 năm 2019, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Chị M xác định vợ chồng chị có 02 con chung là Không L, sinh ngày 29/5/2008; Không T, sinh ngày 22/7/2014. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh V. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu T, để anh V nuôi cháu L và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị M cho biết thêm: hiện nay chị đang làm công nhân ở thành phố Vĩnh Yên, thu nhập ổn định và chung sống cùng bố mẹ đẻ chị ở thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, hòa giải tại Tòa án, bị đơn anh Không Quốc V trình bày: Anh xác định thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như chị M trình bày là đúng. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị M không quan tâm chăm sóc chồng con, anh nghi ngờ có mối quan hệ bên ngoài, thường xuyên đi chơi bỏ mặc các con, anh có hai lần đánh chị M và chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ tháng 03/2019 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị M có đơn xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Anh xác định như chị M trình bày là đúng. Ly hôn, anh xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do anh xin nuôi cả hai con là do trong thời gian chung sống cùng anh, chị M không quan tâm chăm sóc các con, thường xuyên tụ tập đi chơi, uống rượu bỏ mặc các con, hiện nay chị M làm công nhân, 1 tháng có đến 31 ngày đi làm nên không có thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con và không có chỗ ở ổn định, sống cùng với bố mẹ đẻ. Bản thân anh hiện nay làm việc tự do nhưng thu nhập ổn định, có nhà, đất và chỗ ở ổn định.

Tài sản chung, tài sản riêng, công sức: Anh V xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Công nợ: anh V xác nhận số nợ 260.000.000đ nợ Quỹ tín dụng xã X là nợ riêng của anh nên ngày 25/4/2019, anh V đã có đơn xin rút yêu cầu giải quyết công nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, cho chị M được ly hôn anh Khổng Quốc V; đề nghị giao cho mỗi người nuôi 01 con chung, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau; tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không có và không yêu cầu nên không xem xét; án phí: chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị M xin ly hôn anh Khổng Quốc V và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Khổng Quốc V là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng kết hôn và đã có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc, nhưng do vợ chồng không tin tưởng, nghi ngờ nhau dẫn đến không yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng chị M và anh V đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau và làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị M và anh V đều xác định vợ chồng không còn tình cảm nên thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa chị M và anh V là tự nguyện nên cần được chấp nhận.

Về con chung: Chị M và anh V đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung Khổng L, sinh ngày 29/5/2008 và Khổng T, sinh ngày 22/7/2014. Ly hôn, chị Mai đề nghị được trực tiếp nuôi cháu T, để anh V trực tiếp nuôi cháu L. Các bên không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau. Anh V đề nghị trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị M đóng góp nuôi con chung cùng. Lý do anh xin nuôi cả hai con là do trong thời gian ở chung cùng anh, chị M không quan tâm chăm sóc các con, thường xuyên tụ tập đi chơi, uống rượu bỏ mặc các con, làm công nhân không có thời gian chăm sóc con, không có chỗ ở ổn định.

Xét về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung, điều kiện nuôi con chung của các bên là như nhau. Hiện nay chị M làm công nhân tại công ty BHFLEX Vina có địa chỉ tại Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên; anh V là lao động tự do, cả hai anh chị đều có thu nhập và chị M không có nhà, đất ở riêng nhưng đang ở cùng bố, mẹ đẻ của chị; anh V có nhà đất ở riêng và cũng ở chung cùng mẹ đẻ anh. Lý do anh V xin nuôi cả hai con là do chị M không quan tâm chăm sóc các con, thường xuyên tụ tập đi chơi, uống rượu bỏ mặc các con nhưng anh V lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh chị M có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc có lối sống đồi trụy theo quy định tại Khoản 1 Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, cần giao cho mỗi người nuôi một cháu. Do cháu L đã lớn, có thể làm được một số công việc nhất định và muốn sống cùng bố; cháu T còn nhỏ và để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, cuộc sống của các cháu thì cần giao cháu nhỏ là cháu T cho chị M nuôi, giao cháu lớn là cháu L cho anh V nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, do mỗi người nuôi một cháu và cả hai không đề nghị phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Khổng Quốc V.

2. Xử về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Khổng T, sinh ngày 22/7/2014.

Giao cho anh Khổng Quốc V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Khổng L, sinh ngày 29/5/2008.

Các bên không không phải đóng góp nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000059 ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã X;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Nga